

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THUY  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110 /2021/HS-ST

Ngày: 26/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2021/TLST- HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo :

1. Họ và tên: **Phạm Công Th**, Sinh ngày 10/5/1986; Nơi sinh: xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn BT, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: ông Phạm Công H; sinh năm 1956; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955, đều trú tại thôn BT, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ lớn. Vợ Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1987, bị can có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền sự: Không.

- Tiền án: Bản án số 07/2015/HSST ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình, xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 03/9/2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương; Tại bản án số 102/2018/HSST ngày 11/7/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết **tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”**, đến ngày 17/02/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2021 đến ngày 06/9/2021 chuyển tạm giam – *Có mặt tại phiên tòa*

2. Họ và tên: **Lê Văn L**, Sinh ngày 23/01/1989; Nơi sinh: xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn NC, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:

Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: ông Lê Văn N (đã chết); Họ và tên mẹ: Đoàn Thị M, sinh năm 1963, trú tại thôn NC, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ lớn. Vợ Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1992 (đã ly hôn năm 2020), bị can có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016. Nhân thân: Bản án số 39/2007/HSST ngày 12/4/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 31/8/2009 bị cáo được đặc xá về địa phương. Năm 2018 bị Công an huyện TT xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 28/8/2021 đến ngày 06/9/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình – *Có mặt tại phiên tòa*

**\* Bị hại:**

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn DL, xã HA, huyện TT, tỉnh Thái Bình

- Anh Lê Hữu Ng, sinh năm 1980 – *Có mặt*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 – *Vắng mặt*

Đều cư trú tại: thôn CT, xã DHT, TT, Thái Bình;

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đặng Văn H, sinh năm 1977 – *Có mặt*

Nơi cư trú: thôn ĐH, xã TP, Thái Thụy, Thái Bình;

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: tổ 1, phường THĐ, TP TB, tỉnh Thái Bình

- Bà Nguyễn Thị Thư, sinh năm 1956 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn BT, xã SH, TT, Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1987 – *Có mặt*

Nơi cư trú: thôn BT, xã SH, TT, Thái Bình

- Anh Lê Văn H, sinh năm 1964 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: tổ 08, phường HD, thành phố TB, tỉnh Thái Bình

**\* Người chứng kiến:**

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn BT, xã SH, TT, Thái Bình

- Anh Tạ Văn T, sinh năm 1976 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn DL, xã HA, huyện Thái Thụy, Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 26/8/2021, Lê Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, biển kiểm soát 17 B6 – 383.99 của Luật chở Phạm Công Th đi chơi. Khi đến nhà ông Nguyễn Văn Đ thì cả hai nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Th bảo L đứng ngoài cảnh giới còn Th đi vào nhà phá khóa cửa chính trộm cắp 01 chiếc tivi nhãn hiệu Sam Sung loại 40 inch; 01 máy bơm cao áp nhãn hiệu YAMAKAWA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 8; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel; 01 mắt Camera nhãn hiệu YOOSEE tất cả đều đã qua sử dụng. Th và L mang tài sản đến quán sửa chữa tivi của nhà anh Đặng Văn H bán 01 chiếc tivi với giá 500.000 đồng và bán 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 8 với giá 1.000.000 đồng, 01 mắt camera với giá 100.000 đồng cho anh Nguyễn Văn V. Đối với 01 máy bơm cao áp nhãn hiệu YAMAKAWA Th mang về nhà giấu còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, Th cất trong túi quần trên đường đi bị rơi ở đâu Th không biết. Sau khi trộm cắp tài sản đến ngày 28/8/2021 Phạm Công Th và Lê Văn L đến Công an xã SH đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và Th tự nguyện giao nộp chiếc máy bơm đã trộm cắp.

Ngoài ra từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2021, Phạm Công Th còn một mình thực hiện 07 vụ trộm cắp bình gas tại nhà anh Lê Hữu Ng và chị Nguyễn Thị H tại thôn CT, xã DHT, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Tổng trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại là 7.500.000 đồng. Cụ thể: Buổi trưa ngày đầu tháng 6/2021, Th điều khiển xe điều khiển xe mô tô BKS 17F9-5128 đến nhà kho để gas của gia đình anh Lê Hữu Ng. Th để xe mô tô trước cửa nhà kho sau đó vòng ra phía sau nhà kho thấy cửa không khóa, Th lấy 02 bình gas có vỏ bình màu xám của hãng gas Total, trọng lượng 12kg/1 bình, Sau đó Th mang đến cửa hàng gas của ông Lê Văn H, sinh năm 1964, trú tại tổ 8, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình bán 02 bình gas với giá 800.000 đồng. Số tiền bán được Th chi tiêu cá nhân hết. Cùng phương thức, thủ đoạn, phương tiện, địa điểm và tài sản như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 8/2021, Phạm Công Th đã một mình thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản khác gồm 13 bình gas của gia đình anh Lê Hữu Ng và đều đem bán cho cửa hàng gas của ông Lê Văn H lấy 5.200.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết

- Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-ĐG ngày 31/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy kết luận: 01 chiếc tivi nhãn hiệu Sam Sung, loại 40inch, tivi cũ đã qua sử dụng, giá tại thời điểm xâm hại 1.150.000đ ; 01 chiếc máy bơm cao áp nhãn hiệu YAMAKAWA, đã qua sử dụng, giá tại thời điểm xâm hại 1.100.000đ; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone8, đã qua sử dụng, giá tại thời điểm xâm hại 3.750.000đ ;01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Mastel, đã qua sử dụng, giá tại thời điểm xâm hại 100.000đ; 01 chiếc mắt camera nhãn hiệu YOOSEE, đã qua sử dụng, giá tại thời điểm xâm hại 550.000đ. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại là 6.650.000 đồng.

- Bản kết luận định giá tài sản số 41 /KL-ĐG ngày 09/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy kết luận: 15 bình gas, loại

12kg/1 bình (chưa sử dụng) có tổng trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại là 7.500.000 đồng.

Cáo trạng số 104/CT-VKSTT ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố Phạm Công Th và Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Công Th từ 3 năm đến 3 năm 3 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù; Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ Luật dân sự buộc bị cáo Th và L phải liên đới bồi thường cho ông Đ 01 tivi Samsung giá trị 1.100.000đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone8 giá trị 3.750.000đồng; Bị cáo Th đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Ng nên không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với ông Ng; Ngoài ra các bị cáo còn phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Tại phiên tòa hai bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng : Các bị cáo nhận tội xin giảm nhẹ hình phạt

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để trộm cắp tài sản trong đó đồng phạm cùng nhau trộm cắp tài sản gồm 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SamSung loại 40 inch; 01 máy bơm cao áp nhãn hiệu YAMAKAWA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 8; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel; 01 mắt Camera nhãn hiệu YOOSSEE trị giá tại thời điểm xâm hại là 6.650.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ, bị cáo Phạm Công Th còn thực hiện hành vi trộm cắp 15 vỏ bình ga, trị giá 7.500.000 đồng của ông Lê Hữu Ng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng đơn trình báo và lời khai của những người bị hại, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn L phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

năm 2015. Theo bản án số 07/20215/HSST ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phạm Công Th bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đến ngày 03/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù . Đến ngày 26/03/2018 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án theo bản án số 102/2018/HSST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bản án này bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” chưa được xóa án tích lại phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng đã truy tố hai bị cáo với tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

### **Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:**

***1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:***

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*
- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.*

***2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:***

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*
- đ) Hành hung để tẩu thoát;*
- e) Trộm cắp tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;*

#### ***g) Tái phạm nguy hiểm.***

***3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:***

- a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*
- b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;*
- c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.*

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. Các bị cáo đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhà ông Đ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cùng tiếp nhận ý chí, cùng thực hiện hành vi trộm cắp, vai trò của các bị cáo như nhau. Ngoài ra bị cáo Th còn một mình thực hiện trộm cắp tài sản nhà ông Ng nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội riêng của mình.

[4] Bị cáo Lê Văn L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Công Th phạm tội hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Công Th đã bồi thường khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Th và L đều thành khẩn khai báo, đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Phạm Văn Th đã nhiều lần bị kết án, Lê Văn L cũng đã một lần bị kết án và đều đã bị xử lý hành chính nhưng không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt tù giam với hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường điện thoại di động nhãn hiệu Mastel và vỏ chăn nên không xem xét giải quyết trách nhiệm bồi thường đối với các tài sản này; 01 máy bơm nước cao áp nhãn hiệu YAMAKAWA; 01 mắt camera nhãn hiệu YOOSSEE đã trả cho ông Đ; Ông Đ đã nhận 01 chiếc ti vi nhưng không sử dụng được do đã bị hỏng nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tivi và điện thoại Iphone 8, các bị cáo đều xác định quá trình trộm cắp đã làm rơi hỏng tivi, đều nhất trí bồi thường cho ông Đ nên áp dụng các Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Th và bị cáo L phải liên đới bồi thường cho ông Đ 01 ti vi giá trị 1.100.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 8, giá trị 3.750.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 2.425.000 đồng.

- Đối với 15 chiếc bình ga do Th một mình trộm cắp của gia đình chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu Ng. Mẹ bị cáo Th là bà Nguyễn Thị Th và vợ bị cáo Th là chị Nguyễn Thị Gi đã thay bị cáo bồi thường cho chị H và anh Ng số tiền 7.500.000 đồng. Chị H và anh Ng không yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường khoản tiền nào khác. Trách

nhiệm bồi thường đối với anh Ng, chị H đã được giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

- Ông H mua 01 tivi của các bị cáo đã giao nộp lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra việc bồi thường cho ông H;

- Anh V không yêu cầu các bị cáo bồi thường 01 mắt camera anh đã giao nộp nên không xem xét trách nhiệm bồi thường cho anh V.

[7] Anh V, ông H và ông H1 khi mua tài sản của các bị cáo đều không biết là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không đặt ra việc xử lý đối với anh V, ông H và ông H1.

[8] 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đen xám BKS 17B6-38399 của Lê Văn Luật và 01 xe mô tô nhãn hiệu HOLDER, màu nâu, BKS 17F9-5128 của Phạm Công Th đều sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Án phí: Các bị cáo phải chi án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tội danh:** Tuyên bố bị cáo Phạm Công Th và bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản.”

**2. Hình phạt:**

- Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Công Th 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn L 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/8/2021.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự

- Anh Lê Hữu Ng và chị Nguyễn Thị H đã nhận bồi thường 15 vỏ bình ga trị giá 7.500.000 đồng, chị H và anh Ng không yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường khoản tiền nào khác. Trách nhiệm bồi thường của bị cáo Thành đối với anh Ng, chị H đã được giải quyết xong nên không xem xét giải quyết.

- Buộc bị cáo Phạm Công Th và bị cáo Lê Văn L phải liên đới bồi thường cho ông Đ 01 tivi giá trị 1.100.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 8, giá trị 3.750.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Th là 2.425.000 đồng;

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu đen xám BKS 17B6-38399 của Lê Văn L và 01 xe mô tô nhãn hiệu HOLDER, màu nâu, BKS 17F9-5128 của Phạm Công Th (Vật chứng như biên bản

giao nhận vật chứng tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy)

### **5. Về án phí:**

Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tụng hình sự, Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Th và bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **6. Quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp người được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **Nơi gửi:**

- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương Lan**